

Phụ lục 03

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

Sơ kết 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026 - 2030
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BVHTTDL ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY

Bám sát các mục tiêu (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể) và nội dung cải cách hành chính tại Nghị quyết 76/NQ-CP, Quyết định số 2535/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 2535/QĐ-BVHTTDL) nêu rõ kết quả đạt được, những nội dung và mục tiêu đạt được, mức độ đạt được cụ thể trên các nội dung sau đây:

1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Việc xây dựng, ban hành các quy định về tổ chức bộ máy thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, ngành.

b) Tổ chức sắp xếp và kiện toàn các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý

- Kết quả thực hiện các quy định của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của bộ, ngành.

- Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy của bộ, ngành.

- Việc thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm.

- Tình hình triển khai thực hiện quy chế làm việc của bộ, ngành. Việc triển khai các biện pháp đổi mới phương thức làm việc trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

c) Đánh giá mô hình tổ chức và chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương (các bộ, ngành thực hiện báo cáo theo phạm vi chức năng quản lý nhà nước của mình và sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ).

d) Việc thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, tinh gọn đầu mối đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Hoàn thiện các quy định về tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập theo từng ngành, lĩnh vực; quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập, trọng tâm là các lĩnh vực: Y tế; giáo dục và đào tạo; lao động, thương binh và xã hội; khoa học và công nghệ; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin và truyền thông.

- Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang công ty cổ phần.

- Kết quả nghiên cứu, ban hành các biện pháp đổi mới phương thức quản lý, tổ chức và hoạt động để nâng cao năng lực quản trị của đơn vị sự nghiệp công lập.

đ) Về phân cấp, phân quyền

- Việc đề xuất đẩy mạnh phân cấp đối với các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành.

- Việc thực hiện các quy định phân cấp do Chính phủ ban hành.

- Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, ngành đã phân cấp cho địa phương.

- Xử lý các vấn đề về phân cấp được phát hiện sau khi tiến hành kiểm tra.

e) Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc bộ, ngành

- Công tác xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm tra.

- Kết quả thực hiện kế hoạch, trong đó nêu rõ số lượng các cơ quan, đơn vị được kiểm tra, kết quả xử lý các vấn đề đặt ra sau kiểm tra.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY TRONG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

- Khái quát các mục tiêu đã đạt được trong công tác cải cách tổ chức bộ máy theo Nghị quyết 76/NQ-CP, Quyết định số 2535/QĐ-BVHTTDL tính đến năm 2025, minh chứng bằng số liệu cụ thể.

- Đánh giá những kết quả có tính nổi bật của công tác cải cách tổ chức bộ máy theo Nghị quyết 76/NQ-CP, Quyết định số 2535/QĐ-BVHTTDL.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Chỉ rõ những chỉ tiêu, mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ cải cách không đạt được hoặc đạt được ở mức độ thấp.

- Nêu nguyên nhân của các chỉ tiêu, mục tiêu, nội dung nhiệm vụ không đạt được trong giai đoạn 2021 - 2025.

3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai cải cách tổ chức bộ máy

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Căn cứ vào kết quả giai đoạn 2021 - 2025; chủ trương, đường lối của Đảng, từ yêu cầu cải cách hành chính và định hướng phát triển ngành, lĩnh vực, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cần thiết mà Bộ phải triển khai thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030

IV. NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị với Chính phủ về nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, chế độ, chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tế để đẩy mạnh cải cách hành chính trong thời gian tới.

2. Đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan hành chính nhà nước để thực hiện tốt hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn tới.

3. Những kiến nghị, đề xuất khác.

PHỤ LỤC KÈM THEO

Phụ lục 3a
Thông kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy					
-	Tham mưu ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan					
-	Sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, đáp ứng các tiêu chí theo quy định					
-	Ban hành thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện theo lĩnh vực, phạm vi quản lý					
-	Số tổ chức liên ngành do bộ, cơ quan thành lập hoặc được giao chủ trì thực hiện					
2	Số liệu về biên chế công chức					
-	Tổng số biên chế được giao trong năm					
-	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo					
-	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan, tổ chức hành chính thuộc và trực thuộc bộ, cơ quan					
-	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo					
-	Tỷ lệ phân trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015					
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập					
-	Tổng số người làm việc được giao					

STT	Chỉ tiêu	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
-	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo					
-	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo					
-	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015					

Phụ lục 3b
Bảng thống kê và so sánh số lượng tổ chức giai đoạn 2011-2020 và 2021-2025
 (Tính đến ngày 31 tháng 03 năm 2025)

STT	Tổ chức thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	Giai đoạn 2011-2020 (31/12/2020)	Giai đoạn 2021-2025 (31/3/2025)	BIẾN ĐỘNG <i>(Số lượng tăng/giảm)</i>
1	Tổng cục và tương đương			
	<i>Số vụ thuộc tổng cục (ở TU)</i>			
	<i>Số cục thuộc tổng cục</i>			
	<i>Số chi cục thuộc tổng cục</i>			
2	Cục và tương đương thuộc bộ			
	<i>Số phòng thuộc Cục</i>			
3	Vụ và tương đương thuộc bộ			
	<i>Số phòng thuộc Vụ & tương đương</i>			
4	Tổ chức tham mưu, giúp việc cho Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ			
5	Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ			
6	Số tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc Bộ			

Phụ lục 3c
Đánh giá mức độ thực hiện các mục tiêu cải cách hành chính nhà nước

STT	Các mục tiêu cải cách	Kết quả đạt được <i>(Nêu số liệu cụ thể nếu có)</i>	Đánh giá kết quả đạt được <i>(Đạt/Không đạt)</i>
1	Hoàn thành việc nghiên cứu, đề xuất mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống hành chính nhà nước phù hợp với yêu cầu, điều kiện cụ thể của nước ta trong giai đoạn mới		
2	Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, khắc phục được tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống hành chính nhà nước		
3	Giảm tối thiểu bình quân cả nước 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021		